

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 362/2022/HNGĐ-PT

Ngày 07-7-2022

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Các Thẩm phán:

Bà Quách Thanh Bình.

Bà Đặng Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1016/2021/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1475/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7374 ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Ngọc D, sinh năm 1965

Địa chỉ: 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư THĐ, Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: Số 164A đường HVT, Phường 09, quận PN, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Thái H, sinh năm 1965

Địa chỉ: 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H.

Nơi cư trú hiện nay: Căn hộ B 25.07 Tòa nhà Scenia Bay, số 26 đường PVĐ, phường VH, thành phố NT, tỉnh KH.

- *Do có kháng cáo của:* Ông Thái H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai, nguyên đơn bà Ngô Ngọc D trình bày:

Bà Ngô Ngọc D và ông Thái H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, đến năm 2002 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố NT, tỉnh KH.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân của những mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất đồng trong quan điểm sống giữa bà D và ông H. Từ những mâu thuẫn đó, cuộc sống chung ngày càng trở nên trầm trọng, rất căng thẳng, không còn tình cảm vợ chồng, không khí trong gia đình hết sức nặng nề, đời sống chung không thể kéo dài được nữa. Vì tình nghĩa vợ chồng bấy lâu nay nên bà D đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc bằng mọi cách có thể. Thế nhưng, đến nay mọi cố gắng của bà D đều không có kết quả, bản thân bà D đã thấy mệt mỏi bởi cuộc hôn nhân này, nó đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, công việc, cuộc sống của bà D và ông H. Nay bà D nhận thấy giữa bà D và ông H không còn tình yêu và tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và bà D nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này được nữa. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho bà D được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Thái Hà A, sinh ngày 01/10/1990 và Thái Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2000, tất cả đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà D xin rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Thái H trình bày:

Ông H và bà D là vợ chồng, tổ chức kết hôn với nhau năm 1989. Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thương yêu nhau, chia sẻ trách nhiệm gia đình, yêu thương chăm sóc con cái. Trong sinh hoạt hàng ngày, đôi khi có những tranh cãi nhỏ nhưng không trầm trọng. Năm 2020, bà D nghỉ làm và bắt đầu ở nhà, do dịch bệnh Covid và cũng do thói quen không ra ngoài tiếp xúc, trong ngày bà D đóng cửa phòng để học bài, tập đàn. Cùng thời gian này, cha mẹ bà D sức khỏe suy sụp, gây nên những căng thẳng stress thêm cho bà D. Khi nhận được tin bà D xin ly hôn, ông H rất bất ngờ và rất buồn. Ông bà đã chia sẻ bao năm đẹp đẽ cùng nhau từ thời sinh viên học tại nước Nga (nước Liên Xô cũ) đến khi về nước lập nghiệp, nuôi dạy con cái. Ông H vẫn yêu thương bà D và cảm thấy có lỗi khi đã không giúp vợ giải tỏa những căng thẳng trong tâm tư như đã nêu ở trên một cách kịp thời, để vợ ông dẫn đến quyết định bất chợt và bất ngờ. Ông H muốn vợ chồng ông có thời gian để trao đổi, giải quyết các căng thẳng, có cơ hội để sống bình an những năm tháng đã về hưu, cùng nuôi con trưởng thành. Trong cuộc sống nhiều giai đoạn khó khăn và khủng hoảng. Ông bà đã thương yêu nhau nhiều năm qua, vượt qua những khó

khăn và thử thách. Ông bà có nhiều điểm tương đồng về đạo đức, học vấn, trách nhiệm gia đình và con cái. Ông tin rằng với nhìn nhận lại bản thân, hiểu rõ những nguyên nhân căng thẳng từ cuộc sống và hoàn cảnh xung quanh ông bà sẽ tìm được cách sống, yên bình, hạnh phúc. Ông xin đoàn tụ.

Về con chung: Có hai con chung tên Thái Hà A, 31 tuổi đã trưởng thành và tự lập, con gái Thái Ngọc Minh A, 21 tuổi, đang học đại học.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Văn H trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Ngọc D.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1016/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Ngọc D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Ngọc D được ly hôn với ông Thái H.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Thái Hà A, sinh ngày 01/10/1990 (đã trưởng thành) và Thái Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2000 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Ghi nhận ý kiến của bà Ngô Ngọc D tự thỏa thuận với ông Thái H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung nhà đất tại số 8.5 Lô B Chung cư 280/29 BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc: 5735/2009/GCN do Ủy ban nhân dân quận BT cấp ngày 30/11/2009 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95-861, tờ bản đồ 1, Phường TĐ, Quận X, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00870/4B QSDĐ/394/UB ngày 09/01/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2022, ông Thái H kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 1016/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H, với lý do:

- Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng vì: Trong năm 2021 do dịch Covid diễn biến phức tạp, ông H không sinh sống tại địa chỉ 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H; ông H sinh sống tại căn hộ B 25.07 Tòa nhà Scenia Bay, số 26 đường PVD, phường VH, thành phố NT, tỉnh KH nên ông H không nhận được và không biết bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án cấp sơ thẩm.

- Về nội dung: Ông H không đồng ý ly hôn bà D vì mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thái H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà Ngô Ngọc D và Luật sư Nguyễn Văn H xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Thái H:

Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Thái H tại nơi cư trú của ông Thái H hợp lệ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến Bản án sơ thẩm. Ông Thái H thay đổi địa chỉ cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, ông Thái H kháng cáo về phần thủ tục tố tụng là không có cơ sở chấp nhận.

Về nội dung:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 22, Quyền số 01/2002 ngày 28/3/2002 do Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố NT, tỉnh KH cấp cho bà Ngô Ngọc D và ông Thái H được xác định là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do không phù hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc, ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến tinh thần của bà D. Về phía ông H chỉ có bản khai ngày 21/01/2021 và kể từ thời gian đó đến ngày Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử, ông H vắng mặt không có lý do; Điều này cho thấy ông H không quan tâm đến việc xin ly hôn của bà D. Xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải xây dựng từ hai phía nhưng bà D cương quyết xin ly hôn.

Căn cứ công văn 96/UBND ngày 19/4/2021, Ủy ban nhân dân Phường 02, quận BT, Thành phố H nơi ông H, bà D cư trú thể hiện “..... Trong thời gian bà D và ông H sinh sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu tổ dân phố và khu phố, tổ hòa giải giải quyết mâu thuẫn của bà D và ông H”.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hàn gắn. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D ly hôn ông H là có căn cứ.

Về con chung: Tất cả đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Thái H làm trong hạn luật định và ông H đã thực hiện nghĩa vụ của người kháng cáo phù hợp với các quy định tại Điều 271, 272, 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

I. Về thủ tục tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện ông Thái H đăng ký tạm trú tại 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H. Sau khi thụ lý vụ án, cấp sơ thẩm đã triệu tập ông H theo địa chỉ này để giải quyết vụ án nhưng ông H vắng mặt. Cấp sơ thẩm đã niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H tại địa chỉ 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 173, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ông Hùng trình bày trong thời gian Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ông H không sinh sống tại địa chỉ 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H; ông H sinh sống tại căn hộ B 25.07 Tòa nhà Scenia Bay, số 26 đường PVD, phường VH, thành phố NT, tỉnh KH. Tuy nhiên, ông H thay đổi địa chỉ cư trú nhưng không thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm và chỉ trình bày nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận kháng cáo này của ông H.

II. Về nội dung:

Xem xét yêu cầu kháng cáo xin đoàn tụ của ông Thái H và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái H và bà Ngô Ngọc D tự nguyện kết hôn năm 1989, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật theo giấy chứng nhận kết hôn số 22, Quyền số 01/2002 ngày 28/3/2002 do Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố NT, tỉnh KH cấp, được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Ngô Ngọc D xin ly hôn ông Thái H với lý do trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân của những mâu thuẫn bắt nguồn từ những bất đồng trong quan điểm sống giữa bà D và ông H. Từ những mâu thuẫn đó, cuộc sống chung ngày càng trở nên trầm trọng, rất căng thẳng, không còn tình cảm vợ chồng, không khí trong gia đình hết sức nặng nề, đời sống chung không thể kéo dài được nữa. Vì tình

nghĩa vợ chồng bấy lâu nay nên bà D đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc bằng mọi cách có thể. Thế nhưng, đến nay mọi cố gắng của bà D đều không có kết quả, bản thân bà D đã thấy mệt mỏi bởi cuộc hôn nhân này, đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, công việc, cuộc sống của bà D và ông H. Nay bà D nhận thấy giữa bà D và ông H không còn tình yêu và tình nghĩa vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và bà D nhận thấy không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với ông H. Đối với ông H trình bày trong thời gian chung sống, hai vợ chồng thương yêu nhau, chia sẻ trách nhiệm gia đình, yêu thương chăm sóc con cái. Trong sinh hoạt hàng ngày, đôi khi có những tranh cãi nhỏ nhưng không trầm trọng. Năm 2020, bà D nghỉ làm và bắt đầu ở nhà, do dịch bệnh Covid và cũng do thói quen không ra ngoài tiếp xúc, trong ngày bà D đóng cửa phòng để học bài, tập đàn. Cùng thời gian này, cha mẹ bà D sức khỏe suy sụp, gây nên những căng thẳng stress thêm cho bà D. Ông bà đã chia sẻ bao năm đẹp đẽ cùng nhau từ thời sinh viên học tại nước Nga (nước Liên Xô cũ) đến khi về nước lập nghiệp, nuôi dạy con cái. Ông H vẫn yêu thương bà D và cảm thấy có lỗi khi đã không giúp bà D giải tỏa những căng thẳng trong tâm tư như đã nêu ở trên một cách kịp thời, để bà D dẫn đến quyết định bất chợt và bất ngờ. Ông H muốn vợ chồng ông có thời gian để trao đổi, giải quyết các căng thẳng, có cơ hội để sống bình an những năm tháng đã về hưu, cùng nuôi con trưởng thành. Trong cuộc sống nhiều giai đoạn khó khăn và khủng hoảng. Ông bà đã thương yêu nhau nhiều năm qua, vượt qua những khó khăn và thử thách. Ông bà có nhiều điểm tương đồng về đạo đức, học vấn, trách nhiệm gia đình và con cái. Ông tin rằng với nhìn nhận lại bản thân, hiểu rõ những nguyên nhân căng thẳng từ cuộc sống và hoàn cảnh xung quanh ông bà sẽ tìm được cách sống, yên bình, hạnh phúc. Ông xin đoàn tụ. Tại Văn bản số 96/UBND ngày 19/4/2021, Ủy ban nhân dân Phường 02, quận BT, Thành phố H nơi ông H, bà D cư trú thể hiện “..... Trong thời gian bà D và ông H sinh sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu tổ dân phố và khu phố, tổ hòa giải giải quyết mâu thuẫn của bà D và ông H”. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H là có, ông H cũng thừa nhận biết bà D bị căng thẳng trong tâm tư nhưng đã không giúp bà D giải tỏa những căng thẳng một cách kịp thời. Hiện nay, vợ chồng bà D, ông H đã sống ly thân, trong thời gian này ông H cũng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà D. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H yêu cầu đoàn tụ với bà D nhưng ông H cũng không đưa ra được phương thức, biện pháp để vợ chồng đoàn tụ, đối với bà D cương quyết yêu cầu ly hôn ông H; Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cấp sơ thẩm đã Quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Có hai con chung tên Thái Hà A, sinh ngày 01/10/1990 và Thái Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2000, tất cả đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 21/12/2020, bà D yêu cầu tranh chấp tài sản chung là nhà đất tại số 8.5 Lô B Chung cư 280/29 đường BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc: 5735/2009/GCN do Ủy ban nhân dân quận BT cấp ngày 23/11/2009 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95-861, tờ bản đồ 1, Phường TĐ, Quận X, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00870/4B QSDĐ/394/UB ngày 09/01/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp. Ngày 23/3/2021, bà D có đơn xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, bà D rút yêu cầu là tự nguyện, không trái pháp luật; Cấp sơ thẩm đã quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu này của bà D là có cơ sở.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái H.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Ngô Ngọc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Thái H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến phát biểu đề nghị về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa, như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 148, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thái H.

II. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1016/2021/HNGĐ-ST ngày 28/12/2021 của Tòa án nhân dân quận BT, Thành phố H, cụ thể như sau:

II.1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Ngọc D về việc chia tài sản chung nhà đất tại số 8.5 Lô B Chung cư 280/29 BHN, Phường 02, quận BT, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở có số hồ sơ gốc: 5735/2009/GCN do Ủy ban nhân dân quận BT, Thành phố H cấp ngày 30/11/2009 và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 95⁻⁸⁶¹, tờ bản đồ 1, Phường TĐ, Quận X, Thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00870/4B QSDĐ/394/UB ngày 09/01/2001 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp.

II.2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Ngô Ngọc D:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Ngọc D ly hôn với ông Thái H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, Quyền số 01/2002 ngày 28/3/2002 do Ủy ban nhân dân phường PS, thành phố NT, tỉnh KH cấp cho bà Ngô Ngọc D và ông Thái H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Thái Hà A, sinh ngày 01/10/1990 và Thái Ngọc Minh A, sinh ngày 23/11/2000, tất cả đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

III. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Ngọc D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà Ngô Ngọc D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0088960 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

Bà Ngô Ngọc D được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn dư 11.700.000đ (Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0088960 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

IV. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Ông Thái H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí do ông Thái H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000519 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BT, Thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND Cấp cao tại TP.H;
- VKSND TP.H;
- TAND QBT, TP.H;
- Chi cục THADS QBT, TP.H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trịnh Minh Đức